

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ - ST

Ngày 21/02/2019.

“V/v Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hồng Thanh;
2/ Ông Nguyễn Kha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thuyền là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21/02/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2018/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 10/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/ 2019/QĐST- HNGĐ, ngày 24/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn V.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2018; Các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Ngô Văn V trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T chung sống như vợ chồng từ năm 1988 tại xã Đ nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định, quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông có quan hệ với một người phụ nữ khác và có một con riêng nên bà T bỏ về ở với con riêng của bà tại xã Đ, từ đó mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà T là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Ngô Thị Tuyết M, sinh năm 1992 và Ngô Thị Thu M, sinh năm 1995, hiện nay các con đã trưởng thành, lập gia đình có cuộc sống riêng, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2018 và các lời khai tại Tòa bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà thống nhất như lời trình bày của ông V về hôn nhân và con chung, ông bà chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2014 ông V ngoại tình và có một con riêng với người phụ nữ khác, bà không chấp nhận nên bà bỏ về sống với con trai riêng của bà ở xã Đ và đã hơn 4 năm giữa ông bà không còn quan tâm đến nhau. Nay ông V yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà là vợ chồng, bà đồng ý vì 4 năm nay bà sống ổn định vui vẻ bên con và ông V cũng đưa mẹ con người phụ nữ kia về sống chung.

Về con chung: Thống nhất ý kiến của ông V trình bày

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của ông V là có cơ sở, theo đó không công nhận ông V và bà T là vợ chồng; Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về hôn nhân: Ông Ngô Văn V và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống ông bà sống hạnh phúc và có hai con chung nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V có quan hệ với người phụ nữ khác và có một con riêng dẫn đến tình cảm giữa ông bà không còn, thực tế ông bà không chung sống với nhau hơn 4 năm, mỗi người đều đã có

cuộc sống riêng ổn định. Vì vậy, ông V yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà T là vợ chồng, bà T đồng ý.

Tại Điểm b, Khoản 3, Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội, ngày 09/6/2000 quy định: “*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm cho đến ngày 01/01/2003. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*”. Như vậy, việc ông V, bà T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận. Do vậy, cần áp dụng Điểm b, Khoản 3, Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội, ngày 09/6/2000 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận ông V và bà T là vợ chồng.

[2] Về con chung: Thời gian chung sống ông V bà T có hai con chung tên Ngô Thị Tuyết M, sinh năm 1992 và Ngô Thị Thu M, sinh năm 1995. Hiện nay các con đã trưởng thành, lập gia đình có cuộc sống riêng và các bên đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6 và Điều 12, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định: Trong vụ án ly hôn nguyên đơn là ông Ngô Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, ngày 10/01/2019 ông V có Đơn đề nghị miễn nộp án phí vì ông thuộc diện hộ nghèo. Theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ông V được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí cho ông V theo biên lai thu số 0003763, ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 227, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 12, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điểm b, Khoản 3, Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn V.

[1] **Về hôn nhân:** Không công nhận ông Ngô Văn V và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

[2] **Về con chung:** Các con đã trưởng thành, lập gia đình có cuộc sống riêng và các bên đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

[3] **Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] **Về nợ chung:** Không có.

[5] **Về án phí:** Ông V được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho ông Ngô Văn V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003763 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/02/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã Đ, Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

